

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỘ ĐỨC  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29-12-2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Phong

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Thu Kiều
2. Bà Ngô Thị Kim Ngân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Dung, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thu Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020, tại Nhà văn hóa tổ dân phố 1, thị trấn Mộ Đức, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2020/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Thanh V, sinh năm 1989, địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh V1, sinh năm 1988, địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị V có mặt; anh V1 vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 10 năm 2020 và các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Thanh V trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Minh V1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M ngày 26 tháng 11 năm 2014. Trong quá trình chung sống, anh V1 ngoại tình và không quan tâm đến vợ con. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Minh V1.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Minh V1 có 02 con chung là Nguyễn Lê Trà M, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2011 và Nguyễn Lê Gia B, sinh ngày 12 tháng 3 năm 2017. Khi ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giao 02 con cho chị trực tiếp nuôi, chị không yêu cầu anh V1 cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*Tại bản tự khai ngày 22 tháng 11 năm 2020, bị đơn anh Nguyễn Minh V1 trình bày:*

Anh và chị Lê Thị Thanh V tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M ngày 26 tháng 11 năm 2014. Trong quá trình chung sống, anh và chị V xảy ra nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau, nhiều quan điểm sống trái ngược nhau nên anh và chị V đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay. Nay anh và chị V không còn tình cảm vợ chồng, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị V yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Lê Thị Thanh V có 02 con chung là Nguyễn Lê Trà M, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2011 và Nguyễn Lê Gia B, sinh ngày 12 tháng 3 năm 2017. Khi ly hôn, chị V yêu cầu Tòa án giao 02 con cho chị V trực tiếp nuôi, không yêu cầu anh cấp dưỡng cho con thì anh đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và bị đơn đúng theo quy định tại các điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 28, 35, 39, 227, 228, 144, 147, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Thanh V.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thanh V được ly hôn anh Nguyễn Minh V1; về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Lê Trà M, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2011 và Nguyễn Lê Gia B, sinh ngày 12 tháng 3 năm 2017 cho chị Lê Thị Thanh V trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; chị V không yêu cầu anh Nguyễn Minh V1 cấp dưỡng cho con; về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Chị V phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại thời điểm chị Lê Thị Thanh V khởi kiện thì anh Nguyễn Minh V1 đang cư trú tại Thôn X, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức thụ lý vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Thanh V là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Lê Thị Thanh V có mặt; bị đơn anh Nguyễn Minh V1 vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị Thanh V và anh Nguyễn Minh V1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 26 tháng 11 năm 2014. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Thanh V và anh Nguyễn Minh V1 là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Thanh V, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình chung sống, giữa chị Lê Thị Thanh V và anh Nguyễn Minh V1 thường xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên chị V và anh V1 đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay, không quan tâm đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã nhiều lần động viên vợ chồng chị V đoàn tụ nhưng chị V vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn; đồng thời, tại bản tự khai ngày 22 tháng 11 năm 2020 anh V1 cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị V.

Từ những nhận định trên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Lê Thị Thanh V và anh Nguyễn Minh V1 đã trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau và đã sống ly thân trong thời gian dài, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đây là một trong những căn cứ để Tòa án giải quyết cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, chị Lê Thị Thanh V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Nguyễn Minh V1 là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của các bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, có căn cứ xác định: Chị Lê Thị Thanh V và anh Nguyễn Minh V1 có 02 con chung là Nguyễn Lê Trà M, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2011 và Nguyễn Lê Gia B, sinh ngày 12 tháng 3 năm 2017. Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, chị V yêu cầu Tòa án giao 02 con chung cho chị trực tiếp nuôi.

Xét yêu cầu về nuôi con của chị Lê Thị Thanh V, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay 02 con chung Nguyễn Lê Trà M và Nguyễn Lê Gia B đang sống cùng với chị V và do chị V trực tiếp chăm sóc. Tại bản tự khai ngày 22 tháng 11 năm 2020, anh Nguyễn Minh V1 cũng trình bày ý kiến đồng ý giao 02 con chung cho chị V trực tiếp nuôi. Ngoài ra, con chung của anh V1, chị V là cháu Nguyễn Lê Trà M cũng trình bày có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, để ổn định cuộc sống và các quyền lợi khác cho các con chung của chị V và anh V1; căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thanh V, giao 02 con chung Nguyễn Lê Trà M và Nguyễn Lê Gia B cho chị V trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Chị Lê Thị Thanh V được giao trực tiếp nuôi 02 con chung, nhưng chị V không yêu cầu anh Nguyễn Minh V1 cấp dưỡng cho con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Chị Lê Thị Thanh V và anh Nguyễn Minh V1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Chị Lê Thị Thanh V và anh Nguyễn Minh V1 trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị Thanh V phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí chị V đã nộp.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các điều 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của chị Lê Thị Thanh V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thanh V được ly hôn anh Nguyễn Minh V1.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Thanh V và anh Nguyễn Minh V1 có 02 con chung là Nguyễn Lê Trà M, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2011 và Nguyễn Lê Gia B, sinh ngày 12 tháng 3 năm 2017. Giao 02 con chung Nguyễn Lê Trà M và Nguyễn Lê Gia B cho chị Lê Thị Thanh V trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Nguyễn Minh V1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng cho con: Chị Lê Thị Thanh V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung: Chị Lê Thị Thanh V và anh Nguyễn Minh V1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Chị Lê Thị Thanh V và anh Nguyễn Minh V1 trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Chị Lê Thị Thanh V phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị V đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0005818 ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lê Thị Thanh V có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn anh Nguyễn Minh V1 không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

8. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(đã ký)*

**Lê Phong**